

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/6/2022  
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án nhân dân huyện C

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXX – ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2022/QĐST - DS ngày 14/06/2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Nguyễn Minh K – sinh năm: 1978;

Địa chỉ: ấp ấp A, xã L, huyện C, tỉnh TG.

\* *Bị đơn:* Nguyễn Thị T - sinh năm: 1983;

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh TG.

Anh K có đơn xin vắng mặt;

Chị T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh K trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi và chị T cưới nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh TG. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với chị T

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Trọng P sinh ngày 31/7/2005; Nguyễn Thị Bảo N – sinh ngày 23/01/2009; Nguyễn Đức T – sinh ngày 13/5/2016 Hiện 03 cháu đang sống với tôi. Tôi xin nuôi cả 03 con chung và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng theo quy định pháp luật, mỗi cháu 750.000 đồng/tháng, ba cháu mỗi tháng 2.250.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh K và chị T là có thật, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh K là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung có 03 con chung tên là Nguyễn Trọng P sinh ngày 31/7/2005; Nguyễn Thị Bảo N – sinh ngày 23/01/2009; Nguyễn Đức T – sinh ngày 13/5/2016 đang sống chung với anh K. Cháu P, cháu N có nguyện vọng sống chung với anh K, riêng cháu T cũng đang sống với anh K nhằm đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt cho cháu Thịnh, nên anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp. Anh K yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 03 con chung, mỗi tháng 750.000 đồng/01 cháu là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị T có hộ khẩu thường trú tại: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh TG nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh TG.

[2] Anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị. Riêng đối với chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh K, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh K trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Tòa án đã triệu tập chị T nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh K, từ đó cho thấy chị T không muốn chung sống hay níu kéo mối quan hệ vợ chồng với anh K, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh K, anh K được ly hôn với chị T.

[4] Về con chung: Có 03 con chung, tên là Nguyễn Trọng P sinh ngày 31/7/2005; Nguyễn Thị Bảo N – sinh ngày 23/01/2009; Nguyễn Đức T – sinh ngày 13/5/2016. Anh K yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 750.000 đồng/01 cháu. Xét thấy, cháu P, cháu N, cháu T đang sống ổn định với anh K và cháu P, cháu N cũng có nguyện vọng sống chung với anh K, còn cháu T thì đang sống cùng anh K để đảm bảo cho cháu T phát triển ổn định về tâm lý cũng như điều kiện sống, vì thế, việc anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh K yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/01 cháu tương đương mỗi tháng 2.250.000 đồng/03 cháu là có cơ sở và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Anh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh K.

1. Về tình cảm: Anh Nguyễn Minh K được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Trọng P - sinh ngày 31/7/2005; cháu Nguyễn Thị Bảo N – sinh ngày 23/01/2009; cháu Nguyễn Đức T – sinh ngày 13/5/2016 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/01 cháu tương đương mỗi tháng 2.250.000 đồng/03 cháu cho đến khi cháu P, cháu N, cháu T đủ 18 tuổi.

+ Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Án phí: Anh Nguyễn Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số ngày 24/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, như vậy anh K đã thi hành xong.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L, CG, TG
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

